TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 - HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: **53**/2026/QĐST-HNGĐ	*Hà Nội, ngày 16 tháng 01 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 30/2026/TLST–HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2026, về việc: Ly hôn, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **N T L**, sinh ngày 25/08/1991; CCCD số: 00*******75 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 13/07/2022. Địa chỉ: Thôn K, xã T, thành phố Hà Nội.

- *Bị đơn:* Anh **L V M**, sinh ngày 29/06/1991; CCCD số: 01********19 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày cấp ngày 08/03/2023. Địa chỉ: Thôn K, xã T, thành phố Hà Nội.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án và Danh mục án phí, lệ phí Toà án kèm theo;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 08 tháng 01 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 08 tháng 01 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị N T L, sinh năm 1991 và anh L V M, sinh năm 1991.

2. Công nhận sự thoả thuận của chị N T L và anh L V M, cụ thể như sau:

2.1. Về con chung:

Chị L và anh M cũng xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu L H Đ K, sinh ngày 06/04/2015 và cháu L N N D, sinh ngày 09/8/2017. Khi ly hôn, chị L và anh M thống nhất thỏa thuận giao cả hai con chung của anh chị cho chị L là mẹ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, anh M tự nguyện đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị L là 2.500.000d/mỗi con/tháng kể từ tháng 01/2026 đến khi cháu K, cháu D trường thành, đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác về nuôi con, cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

2.2. Về tài sản chung: Chị L và anh M không yêu cầu Tòa án không yêu cầu Toà án giải quyết nên Tòa án không xét.

2.3. Về nợ chung vợ chồng: Anh M và chị L cũng xác định vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết

2.4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ghi nhận sự tự nguyện của chị N T L chịu toàn bộ 150.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà chị Ly đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí ký hiệu: BLTU/26E số 00***83 ngày 08 tháng 01 năm 2026 của Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội (Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 5).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội;
- VKSND Khu vực 5 – Hà Nội;
- Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội
- Phòng thi hành án KV5;
- UBND xã L, huyện G, Hà Nội (nay là xã T, Hà Nội – GCNKH số 38 quyển số 01/2015);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Minh Ngọc